

Số: 2515/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường ngày 22 tháng 8 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường, địa chỉ tại Lô 01, 02, 03 Điểm tiêu thụ công nghiệp, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất sợi bằng máy dệt sợi khí lưu tại Lô 01, 02, 03 Điểm tiêu thụ công nghiệp, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và tại Lô CN06 Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất sợi bằng máy dệt sợi khí lưu.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 01, 02, 03 Điểm tiêu thụ công nghiệp, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương và tại Lô CN06 Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 0801273792 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần

đầu ngày 26/12/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/7/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3226996869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/12/2018; chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 24/5/2024.

1.4. Mã số thuế: 0801273792.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sợi bằng máy dệt khí lưu (không bao gồm công đoạn nhuộm trong quá trình sản xuất).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: 28.278,55 m².

- Công suất: Sản xuất bông các loại: 120.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 26/12/2028, kể từ ngày ký.

Giấy phép môi trường số 1557/GPMT-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2515/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc (tại vị trí 01: Lô 01, 02, 03 Điểm tiểu thủ công nghiệp, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương) và Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ấn (tại vị trí 02: Lô CN06 Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương) không thải ra môi trường.

- Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường có trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc và Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ấn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu vực nhà xưởng, khu vực nhà văn phòng được thu gom vào bể phốt và theo đường ống nhựa PVC có kích thước là D200, độ dốc 4%, chiều dài là 125 m chảy về hố ga chung, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày đêm bằng bơm công suất 0,37 kw/220V/50Hz.

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ấn:

Nước thải vệ sinh sau xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn đặt ngầm cùng nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ theo đường ống nhựa HDPE D300, i = 0,2% với tổng chiều dài khoảng 165 m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Vị trí số 01: 02 bể tự hoại trong đó, 01 bể thể tích 54 m³ (6,0 m x 4,5 m x 2,0 m) và 01 bể thể tích 6 m³ (2,0 m x 2,0 m x 1,5 m).

- Vị trí số 02: 02 bể tự hoại trong đó, thể tích 5,4 m³/bể (3,0 m x 1,2 m x 1,5 m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì các công trình xử lý nước thải của Dự án không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án tại vị trí 01 vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc; tại vị trí 02 vào hệ thống thu gom xử lý nước thải của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Án để xử lý đảm bảo các quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường. Thực hiện quản lý, chuyển giao nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom nước thải của Dự án.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc (tại vị trí 01) và Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Án (tại vị trí 02).

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2515/GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

- + Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 01.
- + Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 02.
- + Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 03.
- + Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 04.
- + Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 05.
- + Nguồn số 06: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 06.
- + Nguồn số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 07.
- + Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 08.
- + Nguồn số 09: Bụi phát sinh khu vực dẹt sợi xưởng số 01.
- + Nguồn số 10: Bụi phát sinh khu vực dẹt sợi xưởng số 02.
- + Nguồn số 11: Bụi phát sinh trong toàn xưởng số 01.
- + Nguồn số 12: Bụi phát sinh trong toàn xưởng số 02.

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ân:

- + Nguồn số 13: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 01.
- + Nguồn số 14: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 02.
- + Nguồn số 15: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 03.
- + Nguồn số 16: Bụi, khí thải phát sinh từ máy hút bông số 04.
- + Nguồn số 17: Bụi phát sinh khu vực dẹt sợi.
- + Nguồn số 18: Bụi phát sinh trong toàn xưởng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 12 dòng khí thải tương ứng với ống thải của 12 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi

chiều 3⁰):

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

+ Dòng 01: X(m) = 2311723; Y(m) = 584472.

+ Dòng 02: X(m) = 2311718; Y(m) = 584479.

+ Dòng 03: X(m) = 2311708; Y(m) = 584471.

+ Dòng 04: X(m) = 2311713; Y(m) = 584463.

+ Dòng 05: X(m) = 2311656; Y(m) = 584417.

+ Dòng 06: X(m) = 2311650; Y(m) = 584424.

+ Dòng 07: X(m) = 2311647; Y(m) = 584420.

+ Dòng 08: X(m) = 2311665; Y(m) = 584418.

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ân:

+ Dòng 09: X(m) = 2311730; Y(m) = 583858.

+ Dòng 10: X(m) = 2311728; Y(m) = 583867.

+ Dòng 11: X(m) = 2311722; Y(m) = 583869.

+ Dòng 12: X(m) = 2311717; Y(m) = 583880.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 194.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (24h/24h), cưỡng bức bằng các quạt hút ly tâm.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với K_p = 0,8; K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	128	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

+ Bụi, khí thải từ máy hút bông số 01 - 08 được 08 chụp hút (kích thước mỗi chụp 80 cm x 50 cm) tại đầu 08 máy, hút vào 08 đường ống dẫn bằng Inox, đường kính mỗi ống D300 và đưa về 08 thiết bị lọc bụi túi vải đi kèm. Khí sạch thoát ra ngoài nhà xưởng qua 08 ống thải hình chữ nhật, chất liệu bằng Inox, mỗi ống rộng 40 cm, cao 5 m.

+ Bụi phát sinh từ khu vực dệt sợi xưởng số 01 và xưởng số 02 được thu gom vào 02 hệ thống đường ống bằng Inox, đường kính mỗi ống D300 về 02 hệ thống lọc bụi túi vải. Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Bụi phát sinh trong nhà xưởng số 01 và xưởng số 02 được thu gom vào 02 hệ thống đường ống bằng Inox, đường kính mỗi ống D200 về 02 hệ thống lọc bụi túi vải. Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ân:

+ Bụi, khí thải từ máy hút bông số 01 - 04 được 04 chụp hút (kích thước mỗi chụp 80 cm x 50 cm) tại 04 đầu máy, hút vào 04 đường ống dẫn bằng Inox, đường kính mỗi ống D300 và đưa về 04 thiết bị lọc bụi túi vải đi kèm. Khí sạch thoát ra ngoài nhà xưởng qua 04 ống thải hình chữ nhật, chất liệu bằng Inox, mỗi ống rộng 40 cm, cao 5 m.

+ Bụi phát sinh từ khu vực dệt sợi được thu gom vào hệ thống đường ống bằng Inox đường kính D300 về hệ thống lọc bụi túi vải. Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Bụi phát sinh trong nhà xưởng được thu gom vào hệ thống đường ống bằng Inox đường kính D200 về hệ thống lọc bụi túi vải. Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi tại vị trí số 01 - Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc

- Xử lý bụi tại 08 máy hút bông:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ các máy hút bông → Chụp hút → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải đi kèm máy hút bông → Ống thải ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 20.000 m³/h/hệ thống.

+ Thông số kỹ thuật:

++ Tại xưởng số 01: 04 hệ thống lọc bụi đi kèm 04 máy hút bông; 04 chụp hút bằng Inox kích thước 0,8 m x 0,5 m; 04 đường ống dẫn bằng Inox, đường kính D300, tổng chiều dài 60 m; 32 túi lọc bụi chất liệu vải Polyester, độ

dày 1,6-1,8 mm, trọng lượng 500 g/m²; 04 quạt hút công suất 2,2 kw, lưu lượng 20.000 m³/h/quạt; 04 ống thải bằng Inox, hình chữ nhật, rộng 40 cm, cao 5 m.

++ Tại xưởng số 02: 04 hệ thống lọc bụi đi kèm 04 máy hút bông; 04 chụp hút bình Inox kích thước 0,8 m x 0,5 m; 04 đường ống dẫn bằng Inox, đường kính D300, tổng chiều dài 60 m; 32 túi lọc bụi chất liệu vải Polyester, độ dày 1,6-1,8 mm, trọng lượng 500 g/m²; 04 quạt hút công suất 2,2 kw, lưu lượng 20.000 m³/h/quạt; 04 ống thải bằng Inox, hình chữ nhật, rộng 40 cm, cao 5 m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 4h/lần.

- Xử lý bụi khu vực dệt sợi:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ các máy dệt sợi → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Công suất thiết kế: 54.000 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật:

++ Tại xưởng số 01: Gồm 13 đường ống thu gom bằng Inox đường kính D300, tổng chiều dài 65 m; 04 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,6 - 1,8 mm, trọng lượng 350 g/m²; 13 quạt hút, lưu lượng 0,75 kw, công suất 2.000 m³/h/quạt; khu vực chứa bụi diện tích khoảng 3 m².

++ Tại xưởng số 02: Gồm 14 đường ống thu gom bằng Inox đường kính D300, tổng chiều dài 74 m; 04 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,6 - 1,8 mm, trọng lượng 350 g/m²; 14 quạt hút, lưu lượng 0,75 kw, công suất 2.000 m³/h/quạt; khu vực chứa bụi diện tích khoảng 3 m².

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 2 ngày/lần.

- Xử lý bụi trong xưởng sản xuất:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải trong xưởng sản xuất → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Công suất thiết kế: 35.000 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật:

++ Tại xưởng số 01: Đường ống thu gom bằng Inox đường kính D200, tổng chiều dài 2 m; 02 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,2 mm, trọng lượng 250 g/m²; 01 quạt hút, lưu lượng 3,75 kw, công suất 20.000 m³/h/quạt.

++ Tại xưởng số 02: Đường ống thu gom bằng Inox đường kính D200, tổng chiều dài 4 m; 02 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,2 mm, trọng lượng 200 g/m²; 01 quạt hút, lưu lượng 3,0 kw, công suất 15.000 m³/h/quạt.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 1 tuần/lần.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi tại vị trí số 02 - Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ấn

- Xử lý bụi tại 04 máy hút bông:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ các máy hút bông → Chụp hút → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải đi kèm máy hút bông → Ống thải ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 8.500 m³/h/hệ thống.

+ Thông số kỹ thuật: 04 hệ thống lọc bụi đi kèm 04 máy hút bông; 04 chụp hút bằng Inox kích thước 0,8 m x 0,5 m; 04 đường ống dẫn bằng Inox, đường kính D300, tổng chiều dài 60 m; 24 túi lọc bụi chất liệu vải Polyester, độ dày 1,2 - 1,4 mm, trọng lượng 4.100 g/m²; 04 quạt hút công suất 1,2 kw, lưu lượng 8.500 m³/h/quạt; 04 ống thải bằng Inox, hình chữ nhật, rộng 40 cm, cao 5 m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 4h/lần.

- Xử lý bụi khu vực dệt sợi:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải từ các máy dệt sợi → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Công suất thiết kế: 34.000 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật: Gồm 17 đường ống thu gom bằng Inox đường kính D300, tổng chiều dài 80 m; 04 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,6 - 1,8 mm, trọng lượng 350 g/m²; 17 quạt hút, công suất 0,75 kw, lưu lượng 2.000 m³/h/quạt; khu vực chứa bụi diện tích khoảng 3 m².

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 2 ngày/lần.

- Xử lý bụi trong xưởng sản xuất:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải trong xưởng sản xuất → Đường ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Khí sạch thoát trong nhà xưởng.

+ Công suất thiết kế: 15.000 m³/h.

+ Thông số kỹ thuật: Gồm đường ống thu gom bằng Inox đường kính D200, chiều dài 4 m; 02 túi lọc bụi, chất liệu vải Polyester độ dày 1,2 mm, trọng lượng 200 g/m²; 01 quạt hút, công suất 3,0 kw, lưu lượng 15.000 m³/h.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi lọc bụi, tần suất thay: 1 tuần/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng tránh:

+ Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

+ Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giảm công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Thay thế kịp thời các thiết bị hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/5/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

04 hệ thống xử lý bụi đi kèm 04 máy hút bông tại vị trí số 02 - Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 04 điểm (trên ống thải của 04 hệ thống xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Công ty TNHH quốc tế Ngân Tường chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2515/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 10 nguồn.

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

- + Nguồn 01: Khu vực máy lọc bông.
- + Nguồn 02: Khu vực máy chải bông.
- + Nguồn 03: Khu vực ghép bông.
- + Nguồn 04: Khu vực máy dệt sợi khí lưu.
- + Nguồn 05: Quạt hút của hệ thống lọc bụi đi kèm máy hút bông.

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ân:

- + Nguồn 06: Khu vực máy lọc bông.
- + Nguồn 07: Khu vực máy chải bông.
- + Nguồn 08: Khu vực ghép bông.
- + Nguồn 09: Khu vực máy dệt sợi khí lưu.
- + Nguồn 10: Quạt hút của hệ thống lọc bụi đi kèm máy hút bông.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 01: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc:

- + Nguồn 01: $X(m) = 2311756; Y(m) = 584337.$
- + Nguồn 02: $X(m) = 2311784; Y(m) = 584322.$
- + Nguồn 03: $X(m) = 2311774; Y(m) = 584329.$
- + Nguồn 04: $X(m) = 2311716; Y(m) = 583865.$
- + Nguồn 05: $X(m) = 2311782; Y(m) = 584322.$

- Vị trí số 02: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Việt Ân:

- + Nguồn 06: $X(m) = 2311729; Y(m) = 587941.$
- + Nguồn 07: $X(m) = 2311761; Y(m) = 588042.$
- + Nguồn 08: $X(m) = 2311758; Y(m) = 583874.$

+ Nguồn 09: $X(m) = 2311725$; $Y(m) = 583869$.

+ Nguồn 10: $X(m) = 2311717$; $Y(m) = 583880$.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2515/GPMT-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5,0	19 06 01	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5,0	16 01 06	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	420	17 02 03	NH
4	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	50	18 02 01	KS
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	8,0	19 02 05	NH
	Tổng		488		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy vụn, bìa carton	Rắn	1.800	18 01 05
2	Vỏ bao bì nhựa đựng các nguyên liệu, phụ liệu	Rắn	25.560	18 01 06
3	Phế liệu (bông phế) từ quá trình sản xuất	Rắn	700.000	-
4	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10.000	10 02 10
5	Mực in, hộp chứa mực in vẫn phòng thải	Rắn/bùn	5,0	08 02 06 08 02 08
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	215	18 02 02
	Tổng		737.580	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 59,436 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 03 thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 120-150 lít được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 3 m² .

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa bằng tôn quay kín, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; vật liệu thấm hút; có rãnh, hồ thu chất lỏng phòng ngừa sự cố rò rỉ dầu và chất thải lỏng ra môi trường; ngoài cửa dán biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 66 thùng chứa bằng nhựa HDPE hình trụ, có nắp đậy, bán kính mặt đáy D110 cm, chiều cao H = 100 cm.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 100 m² (nằm trong khu vực kho chứa có diện tích 2.280 m² tại vị trí số 01 - Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Gia Lộc).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào bằng sắt

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 5-120 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2515/GPMT-UBND
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.